

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2014

---

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>150.823.850.977</b>	<b>160.277.002.246</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>29.931.691.707</b>	<b>18.443.408.303</b>
1. Tiền	111	<b>4.1</b>	11.683.001.301	9.331.753.320
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.248.690.406	9.111.654.983
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>177.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		177.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>4.2</b>	<b>63.009.163.927</b>	<b>90.467.322.169</b>
1. Phải thu khách hàng	131		44.582.593.853	84.874.686.428
2. Trả trước cho người bán	132		10.367.404.215	6.595.130.554
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		13.767.249.380	5.122.471.488
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.708.083.521)	(6.124.966.301)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.3</b>	<b>53.896.514.077</b>	<b>49.433.425.707</b>
1. Hàng tồn kho	141		53.896.514.077	49.433.425.707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>4.4</b>	<b>3.809.481.266</b>	<b>1.932.846.067</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67.700.581	14.107.565
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		374.454.602	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	4.040.680
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.367.326.083	1.914.697.822

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>107.667.371.648</b>	<b>118.781.245.611</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.318.140.801</b>	<b>38.388.678.289</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		6.318.140.801	38.388.678.289
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.000.801.118</b>	<b>8.520.516.415</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>4.5</b>	9.437.505.530	7.217.391.455
- Nguyên giá	222		17.290.981.661	13.362.416.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.853.476.131)	(6.145.025.236)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		311.345.600	350.263.800
- Nguyên giá	228		350.263.800	350.263.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.918.200)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>4.6</b>	251.949.988	952.861.160
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>4.7</b>	<b>802.108.000</b>	<b>802.108.000</b>
- Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.8</b>	<b>82.940.272.593</b>	<b>64.758.889.542</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		77.519.345.695	72.519.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		260.000.000	260.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		25.638.141.393	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(20.477.214.495)	(14.020.456.153)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>4.9</b>	<b>7.606.049.136</b>	<b>6.311.053.365</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		766.750.390	417.984.965
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.839.298.746	5.893.068.400
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>258.491.222.625</b>	<b>279.058.247.857</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>109.997.945.358</b>	<b>126.013.345.311</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105.170.945.358</b>	<b>124.975.145.311</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	<b>4.10</b>	15.990.155.396	8.861.555.458
2. Phải trả người bán	312	<b>4.11</b>	22.390.713.488	46.704.704.549
3. Người mua trả tiền trước	313	<b>4.11</b>	16.218.813.169	19.682.477.500
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	<b>4.12</b>	1.517.606.393	3.248.270.119
5. Phải trả người lao động	315	<b>4.11</b>	2.393.640.924	2.054.709.037
6. Chi phí phải trả	316	<b>4.11</b>	32.515.915.915	38.687.270.621
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	<b>4.11</b>	11.748.311.083	3.221.454.045
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	<b>4.11</b>	581.421.953	564.130.711
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	<b>4.11</b>	1.814.367.037	1.950.573.271
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.827.000.000</b>	<b>1.038.200.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	<b>4.10</b>	4.827.000.000	1.038.200.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>148.493.277.267</b>	<b>153.044.902.546</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>148.493.277.267</b>	<b>153.044.902.546</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	<b>4.13</b>	100.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.724.043.436	40.724.043.436
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.765.747.625	7.091.667.202
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	<b>4.14</b>	9.303.486.206	14.529.191.908
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ và sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>258.491.222.625</b>	<b>279.058.247.857</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
	USD	(V.1) 410,30	409,50
	EUR	(V.1) 3.400,76	3.398,20
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 17 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MINH THU

Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám Đốc

TRẦN HOÀNG HUÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>5.1</b>	<b>40.275.158.426</b>	<b>36.150.533.994</b>	<b>117.667.937.108</b>	<b>93.361.946.607</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		60.016.454	42.237.272	527.096.157	350.177.817
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>5.1</b>	<b>40.215.141.972</b>	<b>36.108.296.722</b>	<b>117.140.840.951</b>	<b>93.011.768.790</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	<b>5.2</b>	34.850.560.542	20.151.270.203	105.005.828.929	66.200.246.663
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.364.581.430</b>	<b>15.957.026.519</b>	<b>12.135.012.022</b>	<b>26.811.522.127</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>5.3</b>	3.838.371.537	2.149.282.189	12.718.237.424	5.472.913.746
7.	Chi phí tài chính	22	<b>5.4</b>	733.549.306	1.032.327.157	6.861.621.259	9.864.513.133
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>241.174.652</i>	<i>148.637.659</i>	<i>404.862.917</i>	<i>896.995.406</i>
8.	Chi phí bán hàng	24	<b>5.5</b>	937.052.751	750.698.268	2.548.097.174	1.901.255.976
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	<b>5.6</b>	2.536.774.527	2.725.117.712	7.752.015.845	8.276.244.757
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.995.576.383</b>	<b>13.598.165.571</b>	<b>7.691.515.168</b>	<b>12.242.422.007</b>
11.	Thu nhập khác	31	<b>5.7</b>	128.295.453	148.338.862	301.278.694	2.563.032.193
12.	Chi phí khác	32	<b>5.8</b>	-	2.512.391.203	16.407.497	2.569.583.917

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

13.	Lợi nhuận khác	40		128.295.453	(2.364.052.341)	284.871.197	(6.551.724)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.123.871.836	11.234.113.230	7.976.386.365	12.235.870.283
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	153.353.691	2.873.374.470	260.897.228	4.199.928.358
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(50.386.954)	3.316.410.457	(946.230.346)	1.749.900.025
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.14	5.020.905.099	5.044.328.303	8.661.719.483	6.286.041.900
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		502	631	866	786

Ngày 17 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MINH THU

Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc

TRẦN HOÀNG HUÂN



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
<b>I.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>		<b>7.976.386.365</b>	<b>12.235.870.283</b>
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		1.747.369.095	1.498.783.875
-	Các khoản dự phòng	03		6.057.166.804	8.969.964.733
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(49.630)	(1.361.995)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(2.834.901.940)
-	Chi phí lãi vay	06		404.862.917	896.995.406
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>		<b>16.185.735.551</b>	<b>20.765.350.362</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35.061.359.830	23.357.328.116
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.463.088.370)	1.211.240.549
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(30.931.314.910)	(37.004.016.891)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(402.358.441)	(315.537.238)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(404.862.917)	(896.995.406)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		131.438.505	(1.536.658.316)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	4.176.144.881
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(767.145.510)	(1.231.004.768)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>		<b>14.409.763.738</b>	<b>8.525.851.289</b>
<b>II.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.227.653.798)	(2.781.668.957)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.177.000.000)	(5.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	7.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)


	khác			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.165.723.896	917.246.358
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.238.929.902)</b>	<b>135.577.401</b>
<b>III.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.359.355.396	10.154.807.297
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.441.955.458)	(26.399.271.599)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(1.140.200.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.600.000.000)	(9.600.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.317.399.938</b>	<b>(26.984.664.302)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>11.488.233.774</b>	<b>(18.323.235.612)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>18.443.408.303</b>	<b>35.736.337.211</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	49.630	1.361.995
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>29.931.691.707</b>	<b>17.414.463.594</b>

Ngày 17 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
 NGUYỄN THỊ MINH THU

  
 NGUYỄN HOÀNG SƠN

  
 TRẦN HOÀNG HUÂN

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2014.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng ( Một trăm tỷ đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 05 (năm) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng, Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi, Xí nghiệp Thi công Cơ Giới có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại 166 đường Ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2014 là 115 người.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2014, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;

- Bản lề đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

### 3. Cấu trúc tập đoàn

#### 3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	75,42%	75,42%

#### 3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền	20,00%	20,00%

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27-Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Không có chuẩn mực kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

##### Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

#### 3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

##### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

### **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

### **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

### **Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

### **Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	02 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

## **6. Bất động sản đầu tư**

Bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty, được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung - Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m<sup>2</sup> và 103,5 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

### 7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

#### Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

#### Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### 9. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### 12. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

### 13. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

##### *Công nợ tài chính*



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

### **Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nối dài, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết và công chứng đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## **15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng**

### **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

### **Chi phí của hợp đồng xây dựng**

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

## **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền

	<u>30/09/2014</u>		<u>01/01/2014</u>
Tiền mặt tại quỹ	505.049.668		366.797.898
Tiền gửi ngân hàng	11.177.951.633		8.964.955.422
+ Tiền gửi VND	11.070.659.278		8.857.703.303
+ Tiền gửi USD	8.739.362 (1.1)		8.636.355
+ Tiền gửi EUR	98.552.993 (1.2)		98.615.764
Các khoản tương đương tiền	18.248.690.406 (1.3)		9.111.654.983
<b>Cộng</b>	<b><u>29.931.691.707</u></b>		<b><u>18.443.408.303</u></b>

(1.1) Tương đương 410,30 USD.

(1.2) Tương đương 3.400,76 EUR.

(1.3) Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng.

#### 2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>30/09/2014</u>		<u>01/01/2014</u>
Phải thu khách hàng	44.582.593.853 (2.1)		84.874.686.428
Trả trước cho người bán	10.367.404.215 (2.2)		6.595.130.554
Các khoản phải thu khác	13.767.249.380 (2.3)		5.122.471.488
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(5.708.083.521) (2.4)		(6.124.966.301)
<b>Cộng</b>	<b><u>63.009.163.927</u></b>		<b><u>90.467.322.169</u></b>

(2.1) Chủ yếu là phải thu các khách hàng sau:

BQL Các DA ĐT và Xây dựng chuyên ngành NN Kiên Giang	7.224.779.000
--	---------------

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BQL Các DA ngành NN & PTNT Bình Dương	5.887.631.000
Sở Nông Nghiệp & PTNT Trà Vinh	5.699.395.000
Khách hàng mua đất KDC đường Trương Định nối dài	5.351.590.527
BQL DA 1 Sở NN & PT NT Cà Mau	3.238.385.000
Khách hàng mua đất KDC Long Thạnh Hưng	3.128.496.140
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	2.601.830.965
Bê tông thương phẩm (nhiều đối tượng)	1.533.769.863
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	959.459.295
Cty CP GTVT Kiên Giang	925.888.360
Ban Quản lý các dự án CTNN & PTNT Cà Mau	846.902.000
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 10	747.900.000
Công ty TNHH Nam Sông Tiền	644.047.000
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 9	625.050.609
Cty CP CK và xây lắp 276	593.373.000
Công ty PHTT các KCN Tiền Giang	435.911.333
Ban Quản lý DA XD CT ngành NN Đồng Tháp	411.220.600
Ban Quản lý các DA XD CT GT Tiền Giang	409.704.000
Công ty TNHH MTV CT Đô Thị Mỹ Tho	326.763.000
Công Ty CP Xây Dựng Và Kinh Doanh Vật Tư (C&T)	321.630.568
Ban Quản lý Dự Án Cải tạo kênh Ba Bò	288.483.381
DNTN Văn Sáu	280.578.000
Công ty TNHH MTV Tại Miền Trung & Tây Nguyên	276.408.540
DNTN Đoàn Kết	275.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	242.358.000
Công ty TNHH XD TM Hiệp Hương	203.659.675
Ban Quản lý DA ĐT và xây dựng ngành NN Tiền Giang	171.385.000
Khách hàng mua đất KDC Mỹ Thạnh Hưng	165.950.800
Công ty TNHH XD TM Nghĩa Cường	136.143.000
Cty TNHH Hà Thành Yên	122.613.000
TT Quản lý Khai thác CTTL Long An	90.866.000
Sở Nông Nghiệp & PTNT Sóc Trăng	52.372.000
Ban Quản lý DA XD CT GT Đồng Tháp	50.077.000

(2.2) Chủ yếu là trả trước cho các nhà cung cấp sau:

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	8.822.973.436
Công ty TNHH Sao Việt	209.841.900
CN DNTN Xây dựng Thương mại Tấn Tài	176.454.400
Công ty cổ phần bê tông Khang Long	154.742.544
Điện lực Tiền Giang	125.000.000
Công ty Sagel	115.496.500
Công ty hơi kỹ nghệ que hàn	69.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý III năm 2014**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Võ Trọng Kỳ	39.200.000
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Mỹ Tho	23.808.952
(2.3) Chủ yếu là các khoản phải thu khác sau:	
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	11.530.429.086
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	979.372.073
Sở Tài chính tỉnh An Giang	416.416.000
Cty CP ĐT & XD Ticco An Giang	228.510.949
Hồ Ngọc Thanh	14.171.326

(2.4) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập theo các tỷ lệ:

<b>Tuổi nợ</b>	<b>Số dư ngày 30/09/2014</b>	<b>Tỷ lệ trích lập</b>	<b>Mức dự phòng đã trích lập</b>
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	30%	-
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	3.588.790.946	50%	1.015.635.722
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	716.000.000	70%	561.781.708
Quá hạn trên 3 năm	4.130.666.091	100%	4.130.666.091
<b>Cộng</b>	<b>8.435.457.037</b>		<b>5.708.083.521</b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b>30/09/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Nguyên vật liệu	137.843.835	250.402.625
Công cụ, dụng cụ	2.700.000	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.076.887.193 (*)	47.453.996.996
Hàng hóa	1.679.083.049	1.729.026.086
<b>Cộng</b>	<b>53.896.514.077</b>	<b>49.433.425.707</b>

(\*) Chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình sau:

Khu dân cư Long Thạnh Hưng	18.639.952.398
Khu dân cư đường Trương Định nối dài	24.400.071.772
Công trình Cống Hai Hạng	1.862.172.980
QSEAP Gò Công	1.668.249.385
Cống Bà Kẹo Đông – Bà Kẹo Tây	1.045.919.538
Cửa cống Cầu Ván	972.263.116
Khu nhà ở TM xã Trung An	758.938.170
Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	721.152.460
Khu dân cư Sông Đốc	447.548.000
Cửa cống Định Trung	380.988.370
Đường huyện 23B	298.682.847
Kè Sông Tiền gói 3	284.636.831
Kè Sông Tiền gói 1	209.502.709
Đường Dương Quới – Dương Hòa	179.854.931

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý III năm 2014**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/09/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	67.700.581	14.107.565
Thuế GTGT được khấu trừ	374.454.602	-
Thuế và các khoản khác phải thu NN	-	4.040.680
Tài sản ngắn hạn khác	3.367.326.083 (*)	1.914.697.822
<b>Cộng</b>	<b>3.809.481.266</b>	<b>1.932.846.067</b>

(\*) Bao gồm :

Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000
Tạm ứng	3.326.326.083

**5. Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/09/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	6.318.140.801 (*)	38.388.678.289
<b>Cộng</b>	<b>6.318.140.801</b>	<b>38.388.678.289</b>

(\*) Bao gồm:

Lợi nhuận công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	6.318.140.801
<b>Cộng</b>	<b>6.318.140.801</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>01/01/2014</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>30/09/2014</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.090.158.636	541.052.947	-	3.631.211.583
Máy móc, thiết bị	6.511.997.330	1.204.872.727	-	7.716.870.057
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.432.748.907	2.182.639.296	-	5.615.388.203
Thiết bị quản lý	327.511.818	-	-	327.511.818
<b>Cộng</b>	<b>13.362.416.691</b>	<b>3.928.564.970</b>	<b>-</b>	<b>17.290.981.661</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.755.502.169	315.246.929	-	2.070.749.098
Máy móc, thiết bị	1.890.529.897	971.505.953	-	2.862.035.850
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.229.265.517	372.230.507	-	2.601.496.024
Thiết bị quản lý	269.727.653	49.467.506	-	319.195.159
<b>Cộng</b>	<b>6.145.025.236</b>	<b>1.708.450.895</b>	<b>-</b>	<b>7.853.476.131</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý III năm 2014**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>01/01/2014</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>30/09/2014</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.334.656.467			1.560.462.485
Máy móc, thiết bị	4.621.467.433			4.854.834.207
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.203.483.390			3.013.892.179
Thiết bị quản lý	57.784.165			8.316.659
<b>Cộng</b>	<b>7.217.391.455</b>			<b>9.437.505.530</b>

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đến ngày 30/09/2014 đã thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty trị giá 13.659.770.078 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đến ngày 30/09/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.068.914.463 đồng.

**7. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm máy tính)**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>01/01/2014</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>30/09/2014</b>
Nguyên giá	350.263.800	-	-	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	-	38.918.200	-	38.918.200
Giá trị còn lại	350.263.800			311.345.600

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/09/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Mua sắm tài sản cố định	251.949.988	952.861.160
<b>Cộng</b>	<b>251.949.988</b>	<b>952.861.160</b>

**9. Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>01/01/2014</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>30/09/2014</b>
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

**10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>30/09/2014</b>		<b>01/01/2014</b>
Đầu tư vào công ty con	77.519.345.695	(10.1)	72.519.345.695
Đầu tư vào công ty liên kết	260.000.000	(10.2)	260.000.000
Đầu tư dài hạn khác	25.638.141.393	(10.3)	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	( 20.477.214.495)	(10.4)	(14.020.456.153)
<b>Cộng</b>	<b>82.940.272.593</b>		<b>64.758.889.542</b>

(10.1) Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 30/09/2014 như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	38.000.000.000	100,00%	100,00%	Sản xuất kinh doanh bê tông
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	25.000.000.000	100,00%	100,00%	Thi công công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	14.519.345.695	75,42%	75,42%	Thi công công trình
<b>Cộng</b>		<b>77.519.345.695</b>			

(10.2) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30/09/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Testco	KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	260.000.000	20,00%	20,00%	Kiểm định, thử nghiệm chất lượng công trình

(10.3) Bao gồm:

Cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay	23.638.141.393
Cho Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO vay	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.638.141.393</b>

(10.4) Bao gồm:

Khoản dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO là 20.286.129.628 đồng.

Khoản dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang là 191.084.867 đồng

**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
Số dư đầu kỳ	5.893.068.400	6.372.802.369
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	946.230.346	(479.733.969)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý III năm 2014**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Số dư cuối kỳ		
	<b>6.839.298.746</b>	<b>5.893.068.400</b>
<b>12. Nợ ngắn hạn</b>	<b>30/09/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Vay và nợ ngắn hạn	15.990.155.396 (12.1)	8.861.555.458
Phải trả người bán	22.390.713.488 (12.2)	46.704.704.549
Người mua trả tiền trước	16.218.813.169 (12.3)	19.682.477.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.517.606.393 (12.4)	3.248.270.119
Phải trả người lao động	2.393.640.924	2.054.709.037
Chi phí phải trả	32.515.915.915 (12.5)	38.687.270.621
Phải trả, phải nộp khác	11.748.311.083 (12.6)	3.221.454.045
Dự phòng phải trả ngắn hạn	581.421.953 (12.7)	564.130.711
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.814.367.037	1.950.573.271
<b>Cộng</b>	<b>105.170.945.358</b>	<b>124.975.145.311</b>

(12.1) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/433488/HĐTD ngày 06/08/2014

- Hạn mức tín dụng tối đa: 20.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình;
- Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
- Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/433488/HĐBĐ ngày 06/08/2014; - tài sản thế chấp theo giá trị định giá của ngân hàng là 8.666.128.013 đồng theo Biên bản định giá ngày 06/08/2014 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/433488/HĐBĐ ngày 06/08/2014; - thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P.9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Số dư tại ngày 30/09/2014 theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể sau:

ST T	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền vay	Thời hạn vay(tháng)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Số dư tại ngày 30/9/2014
01	HĐ:01/2014	08/05/2014	321.274.499	6	08/11/2014	8	321.274.499
02	HĐ:02/2014	12/05/2014	954.022.817	6	12/11/2014	8	954.022.817
03	HĐ:03/2014	12/05/2014	315.278.000	6	12/11/2014	8	315.278.000
04	HĐ:03/2014	13/05/2014	243.327.620	6	13/11/2014	8	243.327.620
05	HĐ:04/2014	16/05/2014	244.555.821	6	16/11/2014	8	244.555.821
06	HĐ:05/2014	19/05/2014	402.265.000	6	19/11/2014	8	402.265.000
07	HĐ:06/2014	20/05/2014	215.825.948	6	20/11/2014	8	215.825.948
08	HĐ:07/2014	22/05/2014	316.692.500	6	22/11/2014	8	316.692.500
09	HĐ:08/2014	22/05/2014	424.000.000	6	26/11/2014	8	424.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý III năm 2014**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

10	HĐ:09/2014	22/05/2014	310.794.330	6	26/11/2014	8	310.794.330
11	HĐ:10/2014	28/05/2014	101.229.326	6	25/11/2014	8	101.229.326
12	HĐ:11/2014	29/05/2014	200.000.000	6	29/11/2014	8	200.000.000
13	HĐ:12/2014	30/05/2014	523.671.240	6	30/11/2014	8	523.671.240
14	HĐ:13/2014	06/06/2014	260.772.999	6	09/12/2014	8	260.772.999
15	HĐ:14/2014	10/06/2014	343.376.069	6	10/12/2014	8	343.376.069
16	HĐ:15/2014	11/06/2014	182.800.000	6	11/12/2014	8	182.800.000
17	HĐ:16/2014	12/06/2014	271.800.000	6	12/12/2014	8	271.800.000
18	HĐ:17/2014	19/06/2014	1.213.004.850	6	19/12/2014	8	1.213.004.850
19	HĐ:18/2014	24/06/2014	832.809.873	6	24/12/2014	8	832.809.873
20	HĐ:19/2014	24/06/2014	604.200.000	6	24/12/2014	8	604.200.000
21	HĐ:20/2014	26/06/2014	329.873.176	6	26/12/2014	8	329.873.176
22	HĐ:21/2014	27/06/2014	249.700.000	6	27/12/2014	8	249.700.000
23	HĐ:22/2014	01/07/2014	524.448.470	6	01/01/2015	8	524.448.470
24	HĐ:23/2014	08/07/2014	119.673.195	6	08/01/2015	8	119.673.195
25	HĐ:24/2014	16/07/2014	376.095.000	6	16/01/2015	8	376.095.000
26	HĐ:25/2014	15/08/2014	372.027.580	6	15/01/2015	8	372.027.580
27	HĐ:26/2014	18/08/2014	439.942.957	6	18/01/2015	8	439.942.957
28	HĐ:27/2014	03/09/2014	615.204.848	6	03/02/2015	8	615.204.848
29	HĐ:28/2014	04/09/2014	291.749.221	6	04/02/2014	8	291.749.221
30	HĐ:29/2014	05/09/2014	369.142.670	6	05/02/2014	8	369.142.670
31	HĐ:30/2014	08/09/2014	94.819.400	6	08/02/2015	8	94.819.400
32	HĐ:31/2014	10/09/2014	89.292.500	6	10/02/2014	8	89.292.500
33	HĐ:32/2014	11/09/2014	955.894.844	6	11/02/2015	8	955.894.844
34	HĐ:33/2014	15/09/2014	66.616.000	6	16/02/2015	8	66.616.000
35	HĐ:34/2014	15/09/2014	560.789.060	6	16/02/2015	8	560.789.060
36	HĐ:35/2014	18/09/2014	110.591.668	6	24/02/2015	8	110.591.668
37	HĐ:36/2014	23/09/2014	26.963.640	6	24/02/2015	8	26.963.640
38	HĐ:37/2014	26/09/2014	484.830.275	6	26/02/2014	8	484.830.275
<b>Tổng</b>			<b>14.359.355.396</b>				<b>14.359.355.396</b>

- Số phải trả trong vòng 12 tháng của khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TD.1079.10/HĐTD ngày 09/03/2011 và các Phụ lục Hợp đồng tín dụng số TD.1079.10/PLHĐTD ngày 22 tháng 02 năm 2012 và TD.1079.10.03/PLHĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2013 với hạn mức tín dụng là 31.000.000.000 VND, thời hạn vay là 48 tháng với mục đích bổ sung vốn bồi thường, hỗ trợ dự án Khu Dân cư đường Trương Định nối dài: 1.306.000.000 đồng

- Số phải trả trong vòng 12 tháng của khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với mục đích mua sắm tài sản cố định: 324.800.000 đồng

(12.2) Chủ yếu là khoản phải trả cho các nhà cung cấp sau:

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ

10.600.547.482

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty CP Đầu tư và XD TICCO An Giang	4.174.910.900
Công ty Cổ phần xây dựng 43	3.107.120.149
Công ty TNHH XD TM Long Trung	508.728.584
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp 276	637.216.000
Công ty CP XD và DV An Phú Cường	381.872.999
Công ty TNHH XD Điện Nước Thiên Việt	367.815.690
Công ty TNHH XD Hữu Quế	319.886.561
Công ty CP Công nghệ CN Intec	300.853.333
Công ty CP ĐT XD TL Lâm Đồng	269.500.446
Công ty TNHH KD và DV Tường An	201.679.505
Công ty Nạo vét Đường thủy 2	182.461.000
Công ty TNHH Xây dựng Phúc Thành	154.432.120
Công ty TNHH XD TM Vinh Quang	144.965.300
Công ty TNHH MTV Công trình Đô Thị Mỹ Tho	131.845.600
DNTN XD và DV Dương Thu Sơn	101.318.000
Công ty TNHH Hòa Điền	87.262.780
Công ty TNHH MTV TMDVXD Hoàng Thịnh	77.000.000
CTY TNHH TM - DV Lê Phúc	53.500.000
DNTN Huỳnh Thịnh	46.338.500
DNTN Hai Vạn	39.967.806
(12.3) Chủ yếu là khoản người mua trả tiền trước sau:	
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Trương Định nổi dài	9.547.421.750
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thủy lợi 10	3.432.360.000
Ban QLDA Công trình NN&PTNT Cà Mau	1.630.901.000
Ban Quản lý các dự án Gò Công Đông	348.000.000
Ban QL các DA đầu tư xây dựng TP. Mỹ Tho	160.000.000
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Long Thạnh Hưng	76.286.500
Công ty CP XD TM Thới Bình	399.840.000
(12.4) Bao gồm:	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.442.516.093
Thuế thu nhập cá nhân	75.090.300
<b>Cộng</b>	<b>1.517.606.393</b>
(12.5) Bao gồm các khoản chi phí trích trước sau:	
Chi phí ước tính KDC Trương Định giai đoạn 2	30.103.102.279
Trích trước chi phí sản xuất các công trình	1.059.388.893
Chi phí ước tính KDC Mỹ Thạnh Hưng	1.178.151.394
Các khoản chi phí phải trả khác	175.273.349
<b>Cộng</b>	<b>32.515.915.915</b>
(12.6) Chủ yếu là các khoản phải trả sau:	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	8.630.745.000
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	1.900.423.465
Hoa hồng bán hàng	484.779.174
Hoán đổi nền đất dự án Khu dân cư đường Trương Định nối dài	258.999.998
Phải trả về cổ phần hóa	174.790.020
Lãi góp vốn Khu dân cư đường Trương Định nối dài	173.838.958
Công ty Cổ phần Testco	13.186.591

(12.7) Dự phòng chi phí bảo hành công trình như sau:

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>564.130.711</b>	<b>307.044.673</b>
Trích lập trong kỳ	227.424.574	388.786.928
Sử dụng trong kỳ	(47.522.818)	(34.904.167)
Hoàn nhập trong kỳ	(162.610.514)	(96.796.723)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>581.421.953</b>	<b>564.130.711</b>

### 13. Vay và nợ dài hạn

	<b>30/09/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Vay dài hạn	4.827.000.000 (*)	1.038.200.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.827.000.000</b>	<b>1.038.200.000</b>

(\*) Bao gồm các khoản vay tại các ngân hàng theo các hợp đồng sau:

- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 29/08/2012
  - Hạn mức vay: 828.545.200 đồng.
  - Mục đích vay: Mua máy cắt thép và máy chấn tole.
  - Thời hạn vay: 60 tháng.
  - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.
  - Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2012/HĐ ngày 29/08/2012.
  - **Số dư tại ngày 30/09/2014 là 114.800.000 đồng.** Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn): 114.800.000 đồng
- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013
  - Hạn mức vay: 840.000.000 đồng.
  - Mục đích vay: Mua máy đào Kobelco.
  - Thời hạn vay: 60 tháng.
  - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.
  - Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 11/04/2013. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐ ngày 11/04/2013.

- **Số dư tại ngày 30/09/2014 là 617.000.000 đồng.** Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn): 126.000.000 đồng
- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013
  - Hạn mức vay: 560.000.000 đồng.
  - Mục đích vay: Mua máy chần tole Komatsu.
  - Thời hạn vay: 60 tháng.
  - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.
  - Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 11/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2013/HĐ ngày 10/06/2013. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐ ngày 11/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2013/HĐ ngày 10/06/2013.
  - **Số dư tại ngày 30/09/2014 là 420.000.000 đồng.** Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn): 84.000.000 đồng
- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TA.0439.14/HĐTD ngày 21/07/2014
  - Hạn mức vay: 4.000.000.000 đồng.
  - Mục đích vay: Thi công thảm nhựa mặt đường (đợt 1) thuộc công trình Khu dân cư đường Trương Định nối dài giai đoạn 2 địa điểm phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
  - Thời hạn vay: 36 tháng.
  - Lãi suất: 11%/năm, được cố định trong suốt 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Sau thời gian 12 tháng lãi suất cho vay sẽ được áp dụng là lãi suất thả nổi.
  - Khoản tín dụng được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0439.14/HĐTC ngày 21/07/2014: Giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu phố 3, phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 5.085,6 m<sup>2</sup> và Giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại Thị trấn Chợ Gạo, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo có tổng trị giá 10.100.000.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 18/07/2014.
  - **Số dư tại ngày 30/09/2014 là 4.000.000.000 đồng.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý III năm 2014**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**14. Vốn chủ sở hữu**

**(14.1) Tình hình vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>	<b>36.724.043.436</b>	<b>6.272.578.035</b>	<b>18.876.359.821</b>
Tăng trong năm trước	-	-	4.000.000.000	819.089.167	14.110.099.589
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	18.457.267.502
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>	<b>40.724.043.436</b>	<b>7.091.667.202</b>	<b>14.529.191.908</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>	<b>40.724.043.436</b>	<b>7.091.667.202</b>	<b>14.529.191.908</b>
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	8.661.719.483
Tăng khác trong kỳ	20.000.000.000	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	-	674.080.423	-
Giảm trong kỳ	-	-	20.000.000.000	-	13.887.425.185
<b>Số dư tại ngày 30/09/2014</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>	<b>20.724.043.436</b>	<b>7.765.747.625</b>	<b>9.303.486.206</b>

**(14.2) Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/09/2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

**(14.3) Cổ phiếu**

	<b>30/09/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	8.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

**1. Doanh thu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013
<b>1.1. Tổng doanh thu</b>	<b>40.275.158.426</b>	<b>36.150.533.994</b>
- Doanh thu xây dựng	17.475.613.940	19.857.122.727
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.452.658.349	1.782.272.727
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	6.520.707.387	4.753.116.989
- Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí	10.826.178.750	9.758.021.551
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>60.016.454</b>	<b>42.237.272</b>
- Giảm giá hàng bán	60.016.454	42.237.272
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>40.215.141.972</b>	<b>36.108.296.722</b>
- Doanh thu xây dựng	17.475.613.940	19.814.885.455
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.452.658.349	1.782.272.727
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	6.520.707.387	4.753.116.989
- Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí	10.766.162.296	9.758.021.551
<b>1.2. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>3.838.371.537</b>	<b>2.149.282.189</b>
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	128.281.155	104.433.948
- Lãi cho vay	111.227.600	110.749.332
- Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết		7.800.000
- Cổ tức, lợi tức được chia từ các công ty con	3.598.862.782	1.926.298.909
<b>1.3. Thu nhập khác</b>	<b>128.295.453</b>	<b>148.338.862</b>
- Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	12.525.686	-
- Thu nhập từ xử lý công nợ	2.500	-
- Thu nhập từ cho thuê xe	24.716.520	-
- Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	91.050.747	114.722.862
- Thu nhập khác	-	33.616.000
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013</b>
Giá vốn xây dựng	17.111.348.114	19.783.731.909
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.394.910.946	(12.669.834.743)
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	5.551.572.632	3.950.179.530
Giá vốn xí nghiệp cơ khí	8.792.728.850	9.087.193.507
<b>Cộng</b>	<b>34.850.560.542</b>	<b>20.151.270.203</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý III năm 2014**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**3. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013</b>
Chi phí lãi vay	241.174.652	148.637.659
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	492.374.654	883.689.498
<b>Cộng</b>	<b>733.549.306</b>	<b>1.032.327.157</b>

**4. Chi phí bán hàng**

	<b>Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013</b>
Chi phí nhân viên	323.664.944	209.399.712
Chi phí vật liệu, bao bì	460.615.584	437.150.873
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.653.718	34.653.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.624.903	9.128.126
Chi phí bằng tiền khác	114.493.602	60.365.839
<b>Cộng</b>	<b>937.052.751</b>	<b>750.698.268</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.696.663.151	1.356.727.453
Chi phí vật liệu quản lý	84.018.486	84.430.817
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.816.895	28.262.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	212.495.660	173.778.106
Thuế, phí và lệ phí	86.588.660	32.784.600
Chi phí dự phòng	(175.829.667)	(165.588.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.057.007	120.717.265
Chi phí bằng tiền khác	432.964.335	1.094.005.189
<b>Cộng</b>	<b>2.536.774.527</b>	<b>2.725.117.712</b>

**6. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013</b>
Chi tiền phạt		27.747.295
Chi phí xử lý do các dự án đã dừng lại		2.484.643.908
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.512.391.203</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	98.037.968	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(47.651.014)	(3.316.410.457)
<b>Cộng</b>	<b>50.386.954</b>	<b>(3.316.410.457)</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>5.020.905.099</b>	<b>5.044.328.303</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông</b>	<b>5.020.905.099</b>	<b>5.044.328.303</b>
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>10.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>502</b>	<b>631</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Các bên liên quan**

**1.1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014 với các bên liên quan**

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
<b>BÁN</b>			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Lãi cho vay	78.301.000
		Bán vật liệu xây dựng	4.422.648.777
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Điện sản xuất	14.380.477
		Gia công cơ khí	600.280.909
		Bán vật liệu xây dựng	778.376.335
		Hồ sơ thầu	151.567.205
		Lãi cho vay	30.666.000
		Tiền thuê đất	12.525.686
<b>MUA</b>			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Thuê cần cạp	86.105.546
		Bê tông tươi	28.136.989
		Bê tông đúc sẵn	298.671.787
		Vận chuyển	5.541.818



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	11.720.874.545
		Mua vật tư	58.773.091
		Thuê vận chuyên	26.689.145
		Thuê tài sản	403.031.182

**1.2. Chi tiết số dư tại ngày 30/09/2014 với các bên liên quan**

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/09/2014
<b>PHẢI THU</b>			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải thu lợi nhuận 2014	11.452.128.086
		Bán vật liệu xây dựng	2.601.830.965
		Phải thu dài hạn lợi nhuận	6.318.140.801
		Lãi vay	78.301.000
		Cho vay dài hạn	23.638.141.393
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải thu ngắn hạn khác	194.758.891
		Phải thu gia công sản phẩm cơ khí	676.127.525
		Bán vật liệu xây dựng	283.331.770
		Trả trước cho người bán	8.822.973.436
		Cho vay dài hạn	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Chi phí chi hộ	7.935.949
		Cổ tức	220.575.000
<b>PHẢI TRẢ</b>			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải trả tiền mua bê tông đúc sẵn	71.220.804
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải trả khối lượng công trình	10.157.213.181
		Phải trả khối lượng công trình XN XDTL	443.334.300
		Phải trả khác	8.630.745.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Phải trả khối lượng công trình	4.174.910.900

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán. Số liệu quý III năm 2014 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý III năm 2014**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên báo cáo tài chính quý III năm 2013.

*Tiền Giang, ngày 17 tháng 10 năm 2014*

**Người lập biểu**

**NGUYỄN THỊ MINH THU**

**Kế toán trưởng**

**NGUYỄN HOÀNG SƠN**

**Tổng Giám đốc**

**TRẦN HOÀNG HUÂN**